

CHÍNH PHỦ

Số: 153/2005/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc*Hà Nội, ngày 15 tháng 12 năm 2005***NGHỊ ĐỊNH****Về tổ chức và hoạt động của Thanh tra Nông nghiệp
và Phát triển nông thôn****CHÍNH PHỦ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Thanh tra ngày 15 tháng 6 năm 2004;

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

NGHỊ ĐỊNH:**Chương I****NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Vị trí và chức năng**

Thanh tra Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được tổ chức theo cấp hành chính, ở Trung ương có Thanh tra Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

(sau đây gọi tắt là Thanh tra Bộ) và Thanh tra các Cục; ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có Thanh tra Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (sau đây gọi tắt là Thanh tra Sở) và thanh tra chuyên ngành thú y, thanh tra chuyên ngành bảo vệ và kiểm dịch thực vật; thực hiện chức năng thanh tra hành chính và thanh tra chuyên ngành trong phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Đối tượng thanh tra

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc quyền quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam và cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài

tại Việt Nam có tham gia hoạt động trong phạm vi quản lý nhà nước về nông nghiệp và phát triển nông thôn. Trong trường hợp Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định khác với quy định của Nghị định này thì áp dụng quy định của Điều ước đó.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động

1. Hoạt động của Thanh tra Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phải tuân theo pháp luật, bảo đảm chính xác, khách quan, trung thực, công khai, dân chủ, kịp thời; không làm cản trở hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức, cá nhân là đối tượng thanh tra.

2. Khi tiến hành thanh tra, người ra quyết định thanh tra, Thủ trưởng cơ quan thanh tra, Trưởng đoàn thanh tra, Thanh tra viên và các thành viên Đoàn thanh tra phải tuân theo quy định của pháp luật về thanh tra và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hành vi, quyết định của mình.

Chương II

TỔ CHỨC, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA THANH TRA NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Điều 4. Tổ chức Thanh tra Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Ở Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có Thanh tra Bộ; Thanh tra

của Cục Bảo vệ thực vật, Cục Thú y, Cục Quản lý đê điều và Phòng chống lụt bão, Cục Kiểm lâm (sau đây gọi chung là Thanh tra Cục).

2. Ở Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Thanh tra Sở) có Thanh tra Sở và thanh tra chuyên ngành thú y, chuyên ngành bảo vệ và kiểm dịch thực vật.

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về tổ chức của Thanh tra Sở, thanh tra chuyên ngành thú y, bảo vệ và kiểm dịch thực vật.

3. Thanh tra Bộ, Thanh tra Cục, Thanh tra Sở có con dấu, tài khoản riêng theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Tổ chức của Thanh tra Bộ

1. Thanh tra Bộ là cơ quan của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm giúp Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý nhà nước về công tác thanh tra; thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn thanh tra hành chính đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân do Bộ quản lý và thanh tra chuyên ngành trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Thanh tra Bộ có Chánh Thanh tra, Phó Chánh Thanh tra, Thanh tra viên; các chức danh trên được bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định của pháp luật.

3. Thanh tra Bộ có Phòng Hành chính -

Tổng hợp và các phòng nghiệp vụ. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định số lượng và tên gọi các phòng.

4. Thanh tra Bộ chịu sự quản lý, chỉ đạo trực tiếp của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn về công tác, tổ chức và nghiệp vụ thanh tra của Thanh tra Chính phủ.

5. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định cụ thể về cơ cấu, tổ chức và biên chế của Thanh tra Bộ; hoạt động thanh tra chuyên ngành trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ.

Điều 6. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra Bộ

1. Thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc quyền quản lý của Bộ.

2. Thanh tra việc chấp hành các quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn kỹ thuật, điều kiện sản xuất kinh doanh của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong phạm vi quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực của Bộ.

3. Giúp Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

4. Giúp Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn, chỉ đạo

và thực hiện nhiệm vụ phòng ngừa và đấu tranh chống tham nhũng theo quy định của pháp luật về chống tham nhũng.

5. Hướng dẫn, bồi dưỡng nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành đối với Thanh tra Sở; hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị thuộc Bộ thực hiện quy định của pháp luật về công tác thanh tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo.

6. Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn theo quy định của pháp luật.

7. Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền đình chỉ hành vi vi phạm pháp luật về nông nghiệp và phát triển nông thôn của cơ quan, tổ chức, cá nhân khi có đủ căn cứ xác định hành vi vi phạm gây thiệt hại đến lợi ích nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân hoặc hủy bỏ những quy định trái với pháp luật về nông nghiệp và phát triển nông thôn được phát hiện qua thanh tra.

8. Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra của Thanh tra Bộ.

9. Tổng kết rút kinh nghiệm, xây dựng nghiệp vụ thanh tra trong phạm vi quản lý nhà nước của Bộ.

10. Tổng hợp, báo cáo kết quả về công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, chống tham nhũng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ.

11. Thanh tra các vụ việc khác do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao; thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Nhiệm vụ quyền hạn của Chánh Thanh tra Bộ

1. Lãnh đạo, chỉ đạo công tác thanh tra hành chính đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc quyền quản lý trực tiếp của Bộ trưởng và công tác thanh tra chuyên ngành trong phạm vi quản lý nhà nước của Bộ.

2. Xây dựng chương trình, kế hoạch thanh tra hành chính và thanh tra chuyên ngành trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch đó.

3. Trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định việc thanh tra khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật.

4. Hướng dẫn, đôn đốc Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý của Bộ thực hiện pháp luật về thanh tra; phối hợp với Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc Bộ chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức, hoạt động thanh tra nội bộ trong cơ quan, đơn vị đó.

5. Quyết định theo thẩm quyền việc thành lập Đoàn thanh tra, cử Thanh tra viên; trưng tập cán bộ, công chức của cơ quan, đơn vị có liên quan tham gia Đoàn thanh tra.

6. Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn theo quy định của pháp luật.

7. Kiến nghị Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xử lý việc trùng lặp về chương trình, kế hoạch, nội dung thanh tra, kiểm tra trong phạm vi quản lý nhà nước của Bộ; tham mưu cho Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giải quyết việc trùng lặp về chương trình, kế hoạch, nội dung thanh tra, kiểm tra trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

8. Kiến nghị Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét trách nhiệm, xử lý người có hành vi vi phạm pháp luật thuộc quyền quản lý trực tiếp của Bộ trưởng; hướng dẫn thủ trưởng cơ quan, tổ chức thuộc Bộ trong việc xem xét trách nhiệm, xử lý người có hành vi vi phạm pháp luật thuộc quyền quản lý của cơ quan, tổ chức đó.

9. Kiến nghị Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tạm đình chỉ việc thi hành quyết định của cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc quyền quản lý trực tiếp của Bộ khi có căn cứ cho rằng các quyết định đó trái pháp luật về thanh tra hoặc gây cản trở đến hoạt động thanh tra.

10. Kiến nghị Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giải quyết những vấn đề về công tác thanh tra theo thẩm quyền.

11. Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra thuộc phạm vi trách nhiệm của thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc Bộ.

12. Thanh tra, kiểm tra trách nhiệm của thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý của Bộ trong việc thực hiện pháp luật về thanh tra.

13. Báo cáo Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tổng Thanh tra về công tác thanh tra trong phạm vi trách nhiệm của mình.

14. Lãnh đạo cơ quan Thanh tra Bộ thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Nghị định này và các quy định khác của pháp luật.

Điều 8. Tổ chức Thanh tra Cục

1. Thanh tra Cục là cơ quan của Cục, thực hiện chức năng thanh tra hành chính và thanh tra chuyên ngành trong phạm vi quản lý nhà nước của Cục theo quy định của pháp luật.

2. Thanh tra Cục có Chánh Thanh tra, Phó Chánh Thanh tra và Thanh tra viên.

Chánh Thanh tra Cục do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức theo đề nghị của Cục trưởng, sau khi thống nhất ý kiến với Chánh Thanh tra Bộ.

Phó Chánh Thanh tra Cục do Cục trưởng bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức

theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý cán bộ của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Các Thanh tra viên được bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định của pháp luật.

3. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thanh tra Cục, thanh tra chuyên ngành thú y, thanh tra chuyên ngành bảo vệ và kiểm dịch thực vật thuộc Sở.

Điều 9. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra Cục

1. Thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ được giao đối với tổ chức, cá nhân thuộc quyền quản lý trực tiếp của Cục trưởng.

2. Thanh tra việc chấp hành pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước chuyên ngành của Cục.

3. Quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

4. Giúp Cục trưởng hướng dẫn, chỉ đạo và thực hiện nhiệm vụ giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền của Cục trưởng theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

5. Giúp Cục trưởng hướng dẫn, chỉ đạo và thực hiện nhiệm vụ phòng ngừa và đấu tranh chống tham nhũng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Cục trưởng theo quy định của pháp luật về chống tham nhũng.

6. Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra của Thanh tra Cục.

7. Kiến nghị với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đình chỉ việc thi hành hoặc hủy bỏ những quy định trái với văn bản quy phạm pháp luật được phát hiện thông qua hoạt động thanh tra của Thanh tra Cục.

8. Tổng hợp, báo cáo kết quả thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, chống tham nhũng thuộc phạm vi quản lý của Cục trưởng theo quy định.

9. Hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị, tổ chức trực thuộc thực hiện các quy định của pháp luật về công tác thanh tra.

10. Tổng kết rút kinh nghiệm, nghiệp vụ thanh tra trong lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Thanh tra Cục.

11. Được yêu cầu các cơ quan, tổ chức có liên quan cử cán bộ, công chức tham gia Đoàn thanh tra của Cục.

12. Thanh tra vụ việc khác do Cục trưởng giao; thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chánh Thanh tra Cục

1. Lãnh đạo, chỉ đạo công tác thanh tra trong phạm vi quản lý của Cục.

2. Xây dựng chương trình, kế hoạch thanh tra trình cấp có thẩm quyền phê

duyet và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch đó.

3. Trình Cục trưởng quyết định việc thanh tra khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật về lĩnh vực do Cục quản lý.

4. Kiến nghị Cục trưởng tạm đình chỉ việc thi hành quyết định của tổ chức thuộc thẩm quyền quản lý của Cục trưởng khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật.

5. Quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

6. Kiến nghị với Cục trưởng xem xét trách nhiệm, xử lý người có hành vi vi phạm thuộc thẩm quyền quản lý của Cục trưởng.

7. Lãnh đạo Thanh tra Cục thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Nghị định này và các quy định khác của pháp luật.

8. Báo cáo Chánh Thanh tra Bộ về công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và chống tham nhũng trong phạm vi, trách nhiệm của mình.

Điều 11. Thanh tra Sở

1. Thanh tra Sở là cơ quan của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có trách nhiệm giúp Giám đốc Sở thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn thanh tra hành chính và thanh tra chuyên ngành trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của Giám đốc Sở.

2. Thanh tra Sở có Chánh Thanh tra,

Phó Chánh Thanh tra, Thanh tra viên; các chức danh trên được bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định của pháp luật.

3. Thanh tra Sở chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Giám đốc Sở, đồng thời chịu sự chỉ đạo hướng dẫn về công tác và nghiệp vụ thanh tra hành chính của Thanh tra tỉnh, về nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành của Thanh tra Bộ.

4. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định cơ cấu, tổ chức và biên chế của Thanh tra Sở.

Điều 12. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra Sở

1. Thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ được giao của cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc quyền quản lý trực tiếp của Sở.

2. Thanh tra việc chấp hành các quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn kỹ thuật, điều kiện sản xuất kinh doanh của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong các lĩnh vực quản lý của Sở.

3. Giúp Giám đốc Sở tổ chức tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

4. Giúp Giám đốc Sở hướng dẫn, chỉ đạo và thực hiện nhiệm vụ phòng ngừa và đấu tranh chống tham nhũng theo quy định của pháp luật về chống tham nhũng.

5. Hướng dẫn, kiểm tra các cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý của Sở thực

hiện các quy định của pháp luật về công tác thanh tra; phối hợp với Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Sở chỉ đạo, hướng dẫn về tổ chức, hoạt động thanh tra nội bộ trong các cơ quan, đơn vị đó.

6. Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra của Thanh tra Sở.

7. Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn theo quy định của pháp luật.

8. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đình chỉ hành vi vi phạm pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân khi có đủ căn cứ xác định hành vi vi phạm gây thiệt hại đến lợi ích nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân hoặc hủy bỏ những quy định trái với văn bản pháp luật của Nhà nước được phát hiện qua thanh tra.

9. Tổng hợp, báo cáo Giám đốc Sở, Chánh Thanh tra tỉnh về công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và chống tham nhũng; báo cáo Thanh tra Bộ về công tác thanh tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật.

10. Thanh tra các vụ việc khác do Giám đốc Sở giao; thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Nhiệm vụ, quyền hạn Chánh Thanh tra Sở

1. Lãnh đạo, chỉ đạo công tác thanh tra

hành chính và thanh tra chuyên ngành trong phạm vi quản lý của Sở theo quy định của pháp luật.

2. Xây dựng chương trình, kế hoạch thanh tra trình Giám đốc Sở quyết định và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch đó.

3. Trình Giám đốc Sở quyết định việc thanh tra khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật.

4. Quyết định theo thẩm quyền việc thành lập Đoàn thanh tra, cử Thanh tra viên; yêu cầu cơ quan, đơn vị có liên quan cử cán bộ, công chức tham gia Đoàn thanh tra.

5. Hướng dẫn, đôn đốc thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý của Sở thực hiện các quy định của pháp luật về thanh tra.

6. Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn theo quy định của pháp luật.

7. Kiến nghị Giám đốc Sở tạm đình chỉ việc thi hành quyết định sai trái về thanh tra của đơn vị thuộc quyền quản lý của Sở khi có đủ căn cứ xác định các quyết định đó trái pháp luật về thanh tra hoặc gây ảnh hưởng đến hoạt động thanh tra; kiến nghị Giám đốc Sở xem xét trách nhiệm, xử lý người có hành vi vi phạm pháp luật thuộc quyền quản lý của Sở.

8. Kiến nghị Giám đốc Sở giải quyết những vấn đề về công tác thanh tra theo thẩm quyền.

9. Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra thuộc phạm vi trách nhiệm của Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý của Sở.

10. Thanh tra, kiểm tra trách nhiệm của Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý của Sở thực hiện pháp luật về thanh tra.

11. Báo cáo Giám đốc Sở, Chánh Thanh tra tỉnh, Chánh Thanh tra Bộ về công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và chống tham nhũng trong phạm vi trách nhiệm của mình.

12. Lãnh đạo cơ quan Thanh tra Sở thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Nghị định này và các quy định khác của pháp luật.

Chương III

THANH TRA VIÊN, CÔNG TÁC VIÊN THANH TRA

Điều 14. Thanh tra viên

1. Thanh tra viên Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là công chức nhà nước, được bổ nhiệm vào ngạch thanh tra để thực hiện nhiệm vụ thanh tra hành chính và thanh tra chuyên ngành tại các cơ quan Thanh tra Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Thanh tra viên Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định của Luật Thanh tra và các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

3. Thanh tra viên Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được tuyển dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm và cấp thẻ thanh tra theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Ngoài những quy định chung về điều kiện, tiêu chuẩn của Thanh tra viên theo quy định của Luật Thanh tra, Thanh tra viên Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phải đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn khác phù hợp với ngành, lĩnh vực do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định.

Điều 15. Cộng tác viên Thanh tra

1. Cộng tác viên thanh tra là người được trưng tập làm nhiệm vụ thanh tra theo yêu cầu của Chánh Thanh tra các cấp hoặc Thủ trưởng cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện nhiệm vụ thanh tra.

2. Cộng tác viên thanh tra phải có phẩm chất chính trị tốt; có ý thức trách nhiệm, trung thực, khách quan, công minh; có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với nhiệm vụ thanh tra được giao.

3. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan ban hành Quy chế

cộng tác viên Thanh tra Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Chương IV

HOẠT ĐỘNG CỦA THANH TRA NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Điều 16. Nội dung thanh tra

1. Thanh tra việc chấp hành chính sách, pháp luật, nhiệm vụ được giao của các cơ quan, tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định này.

2. Thanh tra việc chấp hành các quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn kỹ thuật, điều kiện sản xuất kinh doanh và các quy định khác của pháp luật trong các lĩnh vực:

- a) Bảo vệ và kiểm dịch thực vật;
- b) Thú y;
- c) Giống cây trồng; giống vật nuôi; thức ăn chăn nuôi; phân bón;
- d) Đê điều;
- đ) Bảo vệ và phát triển rừng;
- e) Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi;
- g) Các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Hình thức thanh tra

1. Hoạt động thanh tra được thực hiện

dưới hình thức thanh tra theo chương trình, kế hoạch và thanh tra đột xuất.

2. Thanh tra theo chương trình, kế hoạch được Bộ trưởng, Giám đốc Sở phê duyệt.

3. Thanh tra đột xuất được tiến hành khi phát hiện tổ chức, cá nhân có dấu hiệu vi phạm pháp luật; theo yêu cầu việc giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Điều 18. Thẩm quyền phê duyệt chương trình, kế hoạch thanh tra và ra quyết định thanh tra hành chính và thanh tra chuyên ngành

1. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở phê duyệt chương trình, kế hoạch thanh tra của năm sau do Chánh Thanh tra Bộ, Chánh Thanh tra Sở trình chậm nhất vào ngày 31 tháng 12 của năm trước.

2. Hoạt động thanh tra chỉ thực hiện khi có quyết định thanh tra.

3. Căn cứ chương trình, kế hoạch đã được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở phê duyệt, Chánh Thanh tra Bộ, Chánh Thanh tra Sở ra quyết định thanh tra và thành lập Đoàn thanh tra để thực hiện quyết định thanh tra hoặc phân công Thanh tra viên chuyên ngành thực hiện nhiệm vụ thanh tra. Khi xét thấy cần thiết, Bộ trưởng, Giám đốc Sở ra quyết định thanh tra và thành lập Đoàn thanh tra.

4. Chánh Thanh tra Bộ trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông

thôn, Chánh Thanh tra Sở trình Giám đốc Sở ra quyết định thanh tra đột xuất trong phạm vi thẩm quyền của mình.

5. Trong trường hợp phân công Thanh tra viên tiến hành thanh tra độc lập thì người có thẩm quyền ra quyết định thanh tra phải có văn bản, trong đó xác định rõ phạm vi, nhiệm vụ, thời hạn tiến hành thanh tra.

Điều 19. Căn cứ ra quyết định thanh tra và nội dung quyết định thanh tra

1. Căn cứ để ra quyết định thanh tra

Việc ra quyết định thanh tra phải có một trong các căn cứ sau:

- a) Chương trình, kế hoạch thanh tra đã được phê duyệt;
- b) Yêu cầu của Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước;
- c) Yêu cầu của việc giải quyết khiếu nại, tố cáo;
- d) Khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật.

2. Nội dung quyết định thanh tra:

- a) Căn cứ pháp lý để thanh tra;
- b) Nội dung, đối tượng, phạm vi, nhiệm vụ thanh tra;
- c) Thời hạn tiến hành thanh tra theo quy định của pháp luật về thanh tra;
- d) Trưởng Đoàn thanh tra và các thành viên khác tham gia Đoàn thanh tra.

Điều 20. Thời hạn thanh tra

1. Thời hạn thanh tra hành chính:

a) Cuộc thanh tra do Thanh tra Bộ tiến hành không quá 45 ngày, trường hợp phức tạp thì có thể ra quyết định kéo dài, nhưng không quá 70 ngày;

b) Cuộc thanh tra do Thanh tra Sở tiến hành không quá 30 ngày, trường hợp ở miền núi, nơi đi lại khó khăn thì có thể ra quyết định kéo dài, nhưng không quá 45 ngày.

2. Thời hạn thanh tra chuyên ngành:

a) Cuộc thanh tra chuyên ngành được tổ chức theo Đoàn thanh tra không quá 30 ngày;

b) Trường hợp cần thiết, có thể quyết định gia hạn một lần. Thời gian gia hạn không vượt quá thời hạn quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.

c) Thời hạn của cuộc thanh tra được tính từ ngày công bố quyết định thanh tra đến khi kết thúc việc thanh tra tại nơi được thanh tra, không kể ngày nghỉ, ngày lễ.

Điều 21. Phương thức hoạt động thanh tra

1. Việc thanh tra được thực hiện theo phương thức Đoàn thanh tra hoặc Thanh tra viên độc lập.

2. Đoàn thanh tra và Thanh tra viên hoạt động theo quy định của Luật Thanh tra.

3. Khi tiến hành thanh tra và gia hạn thời gian thanh tra phải có quyết định của Thủ trưởng cơ quan thanh tra hoặc Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp.

4. Trưởng Đoàn thanh tra, Thanh tra viên phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và người ra quyết định thanh tra về quyết định, biện pháp xử lý trong quá trình thanh tra và báo cáo kết quả thanh tra của mình.

5. Khi xử lý vi phạm, Trưởng Đoàn thanh tra, Thanh tra viên phải thực hiện đầy đủ trình tự theo quy định của pháp luật.

Chương V**TRANG PHỤC, PHÙ HIỆU, CẤP HIỆU, BIỂN HIỆU, CƠ SỞ VẬT CHẤT KỸ THUẬT VÀ KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG****Điều 22. Trang phục, phù hiệu, cấp hiệu, biển hiệu**

1. Thanh tra Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trang phục, phù hiệu, cấp hiệu, biển hiệu riêng.

Nghiêm cấm các tổ chức, cá nhân sử dụng trang phục, phù hiệu, cấp hiệu, biển hiệu tương tự, gây sự nhầm lẫn với Thanh tra Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định trang phục, phù hiệu, cấp hiệu, biển hiệu của Thanh tra Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sau khi thống nhất với Tổng Thanh tra.

Điều 23. Cơ sở vật chất kỹ thuật

1. Các cơ quan Thanh tra Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trụ sở làm việc và được trang bị phương tiện, thiết bị kỹ thuật phục vụ công tác thanh tra.

Tùy theo từng chuyên ngành, cơ quan quản lý nhà nước về nông nghiệp và phát triển nông thôn phải trang bị phương tiện, thiết bị kỹ thuật và công cụ hỗ trợ hoặc vũ khí để tự vệ phù hợp để phục vụ hoạt động của các cơ quan thanh tra và Thanh tra viên chuyên ngành.

2. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với Tổng Thanh tra, Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về phương tiện, thiết bị kỹ thuật và công cụ hỗ trợ hoặc vũ khí cho Thanh tra Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 24. Kinh phí hoạt động

1. Kinh phí hoạt động của Thanh tra Nông nghiệp và Phát triển nông thôn do ngân sách nhà nước cấp và nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc lập, quản lý và sử dụng kinh

phí nghiệp vụ thanh tra thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương VI

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG VIỆC BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG THANH TRA

Điều 25. Trách nhiệm của người ra quyết định thanh tra

1. Người ra quyết định thanh tra, khi kết luận thanh tra phải thực hiện theo quy định của Luật Thanh tra; kiến nghị xử lý về thanh tra phải xác định rõ đối tượng, thời gian thực hiện, trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan.

2. Trường hợp phải áp dụng các biện pháp thu hồi tiền, tài sản theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 42 Luật Thanh tra thì cơ quan thanh tra ra quyết định xử lý và tổ chức thi hành quyết định đó.

Điều 26. Trách nhiệm của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động của cơ quan thanh tra trong phạm vi quản lý nhà nước của Bộ; kiện toàn tổ chức, bổ nhiệm các chức danh của cơ quan Thanh tra Bộ theo quy định; bố trí cán bộ có năng lực và phẩm

chất tốt làm công tác thanh tra; tổ chức, chỉ đạo và bảo đảm điều kiện hoạt động cho Thanh tra Bộ; xem xét xử lý kịp thời các kết luận, kiến nghị của Thanh tra Bộ.

2. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động của cơ quan thanh tra trong phạm vi quản lý của Sở; kiện toàn tổ chức, bổ nhiệm các chức danh của cơ quan Thanh tra Sở theo quy định; bố trí cán bộ có năng lực, phẩm chất tốt làm công tác thanh tra; chỉ đạo và bảo đảm điều kiện hoạt động cho Thanh tra Sở; xem xét xử lý kịp thời các kết luận, kiến nghị của Thanh tra Sở.

3. Chỉ đạo việc xây dựng và phê duyệt chương trình, kế hoạch thanh tra của cơ quan thanh tra thuộc quyền quản lý trực tiếp.

4. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày có báo cáo kết quả thanh tra, Bộ trưởng, Giám đốc Sở phải xem xét, kết luận thanh tra và có trách nhiệm:

a) Ra quyết định theo thẩm quyền để xử lý vi phạm hành chính và xử lý về kinh tế đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật và tổ chức thực hiện quyết định xử lý đó;

b) Yêu cầu Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý tiến hành các biện pháp xử lý kỷ luật đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật và báo cáo kết quả thực hiện các yêu cầu đó;

c) Áp dụng các biện pháp theo thẩm quyền để chấn chỉnh, khắc phục sơ hở, yếu kém trong công tác quản lý hoặc kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật;

d) Thông báo với Thủ trưởng cơ quan hữu quan về kết quả xem xét, xử lý đối với các sai phạm theo kết luận thanh tra.

5. Thường xuyên kiểm tra, thanh tra trách nhiệm đối với cơ quan, đơn vị và cá nhân thuộc quyền quản lý trong việc thực hiện pháp luật về thanh tra.

6. Giải quyết khiếu nại, tố cáo về thanh tra theo quy định của pháp luật.

7. Bảo đảm kinh phí, điều kiện làm việc cho cơ quan thanh tra.

8. Định kỳ nghe cơ quan thanh tra thuộc quyền quản lý báo cáo và báo cáo định kỳ với cơ quan quản lý nhà nước cấp trên về công tác thanh tra. Giải quyết kịp thời những vấn đề khó khăn, vướng mắc về công tác thanh tra; xử lý vấn đề chồng chéo trong hoạt động thanh tra, kiểm tra thuộc phạm vi quản lý của mình.

Điều 27. Trách nhiệm của Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị hành chính sự nghiệp và người đứng đầu doanh nghiệp nhà nước thuộc Bộ, Sở

1. Thành lập tổ chức thanh tra của cơ quan, đơn vị hoặc doanh nghiệp; chỉ đạo hoạt động thanh tra nội bộ trong cơ

quan, đơn vị hoặc doanh nghiệp mình; định kỳ báo cáo công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và chống tham nhũng với cơ quan thanh tra cấp trên và Thủ trưởng cơ quan quản lý trực tiếp theo quy định.

2. Thực hiện các quy định của Luật Thanh tra, Nghị định số 41/2005/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ và các quy định của Nghị định này.

Điều 28. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân là đối tượng thanh tra

1. Khi nhận được kết luận, quyết định xử lý về thanh tra, cơ quan, tổ chức, cá nhân là đối tượng thanh tra có trách nhiệm thực hiện đúng nội dung, thời gian các yêu cầu và thực hiện quyết định xử lý về thanh tra; báo cáo việc thực hiện với cơ quan đã ra kết luận thanh tra và cơ quan quản lý trực tiếp.

2. Trường hợp cơ quan, tổ chức, cá nhân là đối tượng thanh tra không thi hành hoặc thi hành không nghiêm chỉnh các yêu cầu, quyết định xử lý về thanh tra thì cơ quan ra quyết định thanh tra yêu cầu Thủ trưởng cơ quan quản lý trực tiếp đối tượng thanh tra áp dụng các biện pháp theo thẩm quyền buộc đối tượng thanh tra thực hiện.

3. Trường hợp cơ quan, tổ chức, cá nhân là đối tượng thanh tra cố ý không thực hiện hoặc Thủ trưởng cơ quan quản lý trực tiếp đối tượng thanh tra thiếu trách nhiệm hoặc cố tình bao che thì tùy

theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

Điều 29. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có các thông tin, tài liệu, chứng cứ liên quan đến nội dung thanh tra phải cung cấp đầy đủ, kịp thời theo yêu cầu của cơ quan thanh tra hoặc Trưởng Đoàn thanh tra và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của những thông tin, tài liệu và chứng cứ đã cung cấp.

2. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra của cơ quan thanh tra hoặc cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan phải áp dụng các biện pháp để thực hiện trách nhiệm của mình được xác định trong kết luận, quyết định xử lý về thanh tra và báo cáo kết quả thực hiện với cơ quan đã yêu cầu.

Điều 30. Mối quan hệ phối hợp trong hoạt động Thanh tra Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Thanh tra Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý của Thủ trưởng cơ quan cùng cấp và các cơ quan, tổ chức hữu quan khác trong việc phòng ngừa,

phát hiện, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật theo quy định của pháp luật.

Chương VII

KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 31. Khen thưởng

Tổ chức, cá nhân có thành tích trong hoạt động thanh tra nông nghiệp và phát triển nông thôn được khen thưởng theo quy định của Nhà nước.

Điều 32. Xử lý vi phạm

1. Người cản trở, đưa hối lộ, trả thù người làm nhiệm vụ thanh tra, vi phạm pháp luật về thanh tra; người lợi dụng nhiệm vụ, quyền hạn thanh tra, vì động cơ cá nhân hoặc thiếu trách nhiệm mà kết luận thanh tra, xử lý vi phạm không đúng, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự; trường hợp gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Trong quá trình hoạt động thanh tra, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm

mà Bộ trưởng, Giám đốc Sở quyết định tạm đình chỉ (có thời hạn) hoặc đình chỉ hoạt động đối với Thanh tra viên Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc quyền quản lý.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 33. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 34. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan hướng dẫn thi hành Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Phan Văn Khải